UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ Y TẾ

Số: 130 /QĐ - SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Vv Phê duyệt Danh mục kỹ thuật lần đầu thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Thông tư số: 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 49/2009/QĐ–UBND ngày 29/12/2009 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế Lào Cai;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-HĐTĐ của Hội đồng thẩm định Danh mục kỹ thuật tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số số 16/QĐ-SYT ngày 12/01/2016 của Sở Y tế Lào Cai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Danh mục kỹ thuật lần đầu thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai, bao gồm 1465 kỹ thuật, gồm 18 chuyên mục, Trong đó:

+ Kỹ thuật đúng tuyến: 1452 Kỹ thuật;

+ Kỹ thuật vượt tuyến: 13 Kỹ thuật.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2: Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt tại Bệnh viện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Giám đốc SYT;
- BHXH tỉnh Lào Cai;
- BV YHCT tỉnh;
- Lưu VT; NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Đàm Thị Liên

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU TẠI BỆNH VIỆN YHCT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 130/QĐ-SYT ngày 25 tháng 02 năm 2016)

TT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật theo TT43	Số kỹ thuật được phê duyệt	
			Đúng tuyến	Vượt tuyến
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	304	75	0
II	Nội khoa	431	29	0
III	Nhi khoa	4.170	664	9
IV	Lao (ngoại lao)	41	0	0
V	Da liễu	89	01	0
VI	Tâm thần	83	04	0
VII	Nội tiết	245	9	0
VIII	Y học cổ truyền	482	397	0
IX	Gây mê hồi sức	4.777	18	0
X	Ngoại khoa	1.113	0	0
XI	Bỏng	131	22	0
XII	Ung bướu	401	0	0
XIII	Phụ sản	241	5	0
XIV	Mắt	287	2	0
XV	Tai mũi họng	357	6	0
XVI	Răng hàm mặt	347	0	0
XVII	Phục hồi chức năng	156	112	2
XVIII	Điện quang	675	59	2
XIX	Y học hạt nhân	390	0	0
XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	106	2	0
XXI	Thăm dò chức năng	127	0	0
XXII	Huyết học - truyền máu	564	15	0
XXIII	Hoá sinh	223	20	0
XXIV	Vi sinh, ký sinh trùng	336	12	0
XXV	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học	90	0	0
XXVI	Vi phẫu	58	0	0
XXVII	Phẫu thuật nội soi	498	0	0
XXVIII	Tạo hình- Thẩm mỹ	494	0	0
	Tổng cộng	**17.216**	**1452**	**13**

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU TẠI BỆNH VIỆN YHCT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-SYT ngày 25 tháng 12 năm 2016)

STT	TT theo TT43	Nội dung	Số lượng kỹ thuật theo TT43	Số kỹ thuật đúng tuyến được phê duyệt
1	I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	304	75
2	II	Nội khoa	431	29
3	III	Nhi khoa	4.170	664
4	V	Da liễu	89	01
5	VI	Tâm thần	83	04
6	VII	Nội tiết	245	9
7	VIII	Y học cổ truyền	482	397
8	IX	Gây mê hồi sức	4.777	18
9	XI	Bỏng	131	22
10	XIII	Phụ sản	241	5
11	XIV	Mắt	287	2
12	XV	Tai mũi họng	357	6
13	XVII	Phục hồi chức năng	156	112
14	XVIII	Điện quang	675	59
15	XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	106	2
16	XXII	Huyết học - truyền máu	564	15
17	XXIII	Hoá sinh	223	20
18	XXIV	Vi sinh, ký sinh trùng	336	12
Tổng cộng			**17.216**	**1452**

SỞ Y TẾ LÀO CAI
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC KỸ THUẬT

SỐ: 02/BB-HĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 26 tháng 01 năm 2016

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
Danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền

Hôm nay, hồi 08h00 ngày 26/01/2016, Tại Hội trường Sở Y tế Lào Cai, Hội đồng Thẩm định DMKT thực hiện tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 16/QĐ-SYT ngày 12/01/2016 của Sở Y tế Lào Cai, tiến hành họp thẩm định danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai theo Thông tư số: 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Hội đồng chuyên môn thẩm định DMKT thực hiện tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 16/QĐ-SYT ngày 12/01/2016 của Sở Y tế Lào Cai

1. Chủ tịch Hội đồng: Bà. Đàm Thị Liên – Phó Giám đốc Sở Y tế;
2. Phó chủ tịch Hội đồng: Bà. Phạm Bích Vân - Phó trưởng phòng NVY, Sở Y tế;
3. Thư ký: Ông. Trần Hoài Bắc – Chuyên viên Phòng NVY, Sở Y tế;
4. Thành viên, gồm 15 người là chuyên gia các chuyên ngành được trưng tập tại các Bệnh viện Đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh.

II. PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH

- Chủ tịch Hội đồng phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với từng chuyên ngành cho các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định;

- Thư ký chuyển hồ sơ của đơn vị đề nghị phê duyệt cho các thành viên nghiên cứu, đánh giá và có ý kiến nhận xét (bằng phiếu nhận xét), sau đó chuyển cho thư ký tổng hợp;

- Các thành viên thẩm định căn cứ vào hồ sơ đề nghị, chủ động liên hệ với Bệnh viện Y học cổ truyền để thẩm định thực tế các điều kiện thực hiện các kỹ thuật theo đúng chuyên ngành được phân công thẩm định, đồng thời đối chiếu với các văn bản liên quan để nhận xét. Các nội dung thẩm định được thể hiện bằng văn bản chuyển cho Thư ký Hội đồng để tổng hợp;

- Thư ký tổng hợp các phiếu nhận xét thẩm định và danh mục kỹ thuật đã được thẩm định của các thành viên, ý kiến của Bệnh viện Y học cổ truyền, gửi lại các thành viên Hội đồng thống nhất các nội dung, hoàn thiện biên bản và

dự thảo Quyết định phê duyệt DMKT thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt;

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Thành phần hồ sơ:

Các thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định danh mục kỹ thuật của Bệnh viện Y học cổ truyền đảm bảo đầy đủ, đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 43.

2. Nhận xét của các thành viên Hội đồng

Tất cả các thành viên Hội đồng đều có phiếu thẩm định nêu rõ các kỹ thuật đủ điều kiện triển khai và các kỹ thuật chưa đủ điều kiện triển khai *(gồm 18 phiếu nhận xét kèm theo).*

3. Kết quả danh mục kỹ thuật được duyệt (tổng hợp từ các phiếu thẩm định của thành viên Hội đồng).

TT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật	Số kỹ thuật đơn vị đề xuất		Số kỹ thuật được phê duyệ.	
			Đúng tuyến	Vượt tuyến	Đúng tuyến	Vượt tuyến
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	304	83	0	75	0
II	Nội khoa	431	29	0	29	0
III	Nhi khoa	4.170	669	9	664	9
IV	Lao (ngoại lao)	41	0	0	0	0
V	Da liễu	89	01	0	01	0
VI	Tâm thần	83	18	0	04	0
VII	Nội tiết	245	9	0	9	0
VIII	Y học cổ truyền	482	397	0	397	0
IX	Gây mê hồi sức	4.777	18	0	18	0
X	Ngoại khoa	1.113	5	9	0	0
XI	Bỏng	131	22	0	22	0
XII	Ung bướu	401	0	0	0	0
XIII	Phụ sản	241	6	0	5	0
XIV	Mắt	287	2	0	2	0
XV	Tai mũi họng	357	10	0	6	0
XVI	Răng hàm mặt	347	15	0	0	0
XVII	Phục hồi chức năng	156	112	2	112	2
XVIII	Điện quang	675	59	2	59	2
XIX	Y học hạt nhân	390	0	0	0	0
XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	106	2	2	2	0
XXI	Thăm dò chức năng	127	0	0	0	0
XXII	Huyết học - truyền máu	564	15	01	15	0
XXIII	Hoá sinh	223	41	0	20	0
XXIV	Vi sinh, ký sinh trùng	336	15	0	12	0
XXV	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học	90	0	0	0	0
XXVI	Vi phẫu	58	0	0	0	0
XXVII	Phẫu thuật nội soi	498	0	0	0	0
XXVIII	Tạo hình- Thẩm mỹ	494	0	0	0	0
	Tổng cộng	**17.216**	**1528**	**25**	**1452**	**13**

(Có nhận xét của từng thành viên và danh mục chi tiết kèm theo)

IV. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ:

1. Kiến nghị

- Đơn vị tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo, cập nhận kiến thức y khoa liên tục theo quy định;
- Bổ sung trang thiết bị theo yêu cầu;
- Cải tạo cơ sở vật chất đảm bảo triển khai các dịch vụ kỹ thuật.

2. Kết luận

Thẩm định 1528 danh mục kỹ thuật của Bệnh viện đề nghị phê duyệt với 20 chuyên ngành, đồng ý phê duyệt 1.465 kỹ thuật, với 18 chuyên ngành trong đó:

- Kỹ thuật đúng tuyến: 1.452 kỹ thuật
- Kỹ thuật Vượt tuyến: 13 kỹ thuật.

Hội đồng đã thống nhất thông qua nội dung và lập thành 03 biên bản, 01 bản gửi Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, 01 bản trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt DMKT lần đầu thực hiện tại Bệnh viện Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai, 01 bản lưu hồ sơ thẩm định./.

THƯ KÝ	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
Trần Hoài Bắc	Đàm Thị Liên

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU TẠI BV. YHCT TỈNH

I. CHUYÊN NGÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. TUẦN HOÀN				
1	1.	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2.	Ghi điện tim cấp cứu tại giư-ờng	x	x	x	
3	3.	Theo dõi điện tim cấp cứu tại gi-ường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	18.	Siêu âm tim cấp cứu tại giư-ờng	x	x	x	
5	45.	Dùng thuốc chống đông	x	x	x	
6	51.	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
7	54.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x
8	55.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x	
9	56.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x	
10	57.	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)	x	x	x	x
11	58.	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	x	x	x	x
12	59.	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
13	60.	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
14	61.	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
15	62.	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x
16	63.	Thở oxy qua mặt nạ venturi (£ 8 giờ)	x	x	x	
17	64.	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
18	65.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
19	73.	Mở khí quản thường quy	x	x	x	

20	75.	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
21	76.	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
22	77.	Thay ống nội khí quản	x	x	x	
23	78.	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
24	85.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
25	86.	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
26	87.	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
27	88.	Làm ẩm đ-ường thở qua máy phun sư-ơng mù	x	x	x	
28	157.	Cố định lồng ngực do chấn th-ương gãy xương sườn	x	x	x	x
29	158.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỌC MÁU				
		D. THẦN KINH				
30	211.	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
31	213.	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
32	214.	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
33	215.	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
34	218.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
35	219.	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x
36	220.	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	x	x	x	
37	221.	Thụt tháo	x	x	x	x
38	222.	Thụt giữ	x	x	x	x
39	223.	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
40	224.	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
41	239.	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
42	245.	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
43	246.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x

.44	247.	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
45	248.	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
46	249.	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
47	250.	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
48	251.	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
49	252.	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
50	256.	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
51	258.	Kiểm soát tăng đư-ờng huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
52	259.	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x	
53	260.	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
54	261.	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
55	262.	Gội đầu cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
56	263.	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
57	264.	Tắm cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
58	265.	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
59	266.	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
60	267.	Thay băng cho các vết thư-ơng hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
61	268.	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu £ 8 giờ	x	x	x	
62	269.	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x
63	270.	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
64	271.	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x	x	
65	274.	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
66	275.	Băng bó vết thư-ơng	x	x	x	x
67	276.	Cố định tam thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
68	277.	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
69	278.	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
70	279.	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
71	280.	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	

		G. XÉT NGHIỆM				
72	281.	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
73	284.	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x
74	285.	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
		H. THĂM DÒ KHÁC				
75	303.	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	

Tổng số: 75 KỸ THUẬT

II. NỘI KHOA

STT	TT Theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. HÔ HẤP				
1	1.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
2	24.	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
3	28.	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
4	29.	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
5	30.	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
6	31.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
7	32.	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
8	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
9	68.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
10	85.	Điện tim thường	x	x	x	x
		C. THẦN KINH				
11	128.	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
12	149.	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
13	150.	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
14	163.	Thay băng các vết loét hoại tử tự động sau TBMMN	x	x	x	
15	165.	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
16	166.	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
17	188.	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
18	195.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	

19	233.	Rửa bàng quang	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
20	241.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hỗng tràng (một lần)	x	x	x	x
21	244.	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
22	247.	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
23	313.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
24	314.	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
25	337.	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
26	338.	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
27	339.	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
28	349.	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
29	361.	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	

Tổng số : 29

III. NHI KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	28.	Đặt catheter tĩnh mạch	x	x	x	
2	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x	
3	47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
4	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
5	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
6	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	x	x	x	
7	77	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
8	78	Mở khí quản	x	x	x	
9	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	
10	93	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
11	94	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
12	95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
13	105	Thổi ngạt	x	x	x	x
14	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
15	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
16	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x
17	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x
18	110.	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x
19	111.	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x

20	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gẫy xương sườn	x	x	x	x
21	113.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỌC MÁU				
22	130.	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
23	133.	Thông tiểu	x	x	x	x
24	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x
		D. THẦN KINH				
25	149.	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	x	x	x	
26	150.	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	x
		Đ. TIÊU HÓA				
27	167.	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	
28	168.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	
29	171.	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
30	172.	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x	
31	175.	Nuôi d-ưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x	
32	176.	Nuôi d-ưỡng người bệnh qua catheter hỗng tràng	x	x	x	
33	178.	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
34	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x
35	180.	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
36	181.	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
37	187.	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
	188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh	x	x	x	
38		Siêu âm màu tại giuờng				
39	189	Chụp X quang cấp cứu tại giu-ờng	x	x	x	
40	191	Xét nghiệm đ-ường máu mao mạch tại giường	x	x	x	
41	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x	

42	193	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	
43	194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
44	195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
45	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
46	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
47	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	x
48	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
49	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
50	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
51	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
52	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
53	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x
54	205	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	x
55	206	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x
56	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x	x	x
57	208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
58	210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x
		II. TÂM THẦN				
59	245.	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học dân tộc	x	x	x	
60	257	Xử trí người bệnh kích động	x	x	x	
61	259	Xử trí người bệnh không ăn	x	x	x	
62	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
63	264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x	
64	267	Liệu pháp lao động	x	x	x	x
65	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	x
66	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				

		A. KỸ THUẬT CHUNG				
67	276	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x	x	
68	277	Nắn, bó gẫy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
69	278	Nắn, bó gẫy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
70	279	Nắn, bó gẫy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
71	280	Xông thuốc bằng máy	x	x	x	
72	281	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x	
73	282	Xông hơi thuốc	x	x	x	x
74	283	Xông khói thuốc	x	x	x	x
75	284	Sắc thuốc thang	x	x	x	x
76	285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x
77	286	Đặt thuốc YHCT	x	x	x	x
78	287	Bó thuốc	x	x	x	x
79	288	Chườm ngải	x	x	x	x
80	289	Hào châm	x	x	x	x
81	290	Nhĩ châm	x	x	x	x
82	291	Ôn châm	x	x	x	x
83	292	Chích lể	x	x	x	x
84	293	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
85	294	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	x	x	x	
86	295	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
87	296	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
88	297	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	
89	298	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
90	299	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	x	x	x	
91	300	Điện mãng châm điều trị teo cơ	x	x	x	

92	301	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	
93	302	Điện mãng châm điều trị bại não	x	x	x	
94	303	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	
95	304	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
96	305	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ	x	x	x	
97	306	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
98	307	Điện mãng châm điều trị đau đầu	x	x	x	
99	308	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	x	x	x	
100	309	Điện mãng châm điều trị stress	x	x	x	
101	310	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	x	x	x	
102	311	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
103	312	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	x	x	x	
104	313	Điện mãng châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	
105	314	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
106	315	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
107	316	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	
108	317	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
109	318	Điện mãng châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
110	319	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
111	320	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
112	321	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	
113	322	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
114	323	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
115	324	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
116	325	Điện mãng châm điều trị trĩ	x	x	x	
117	326	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
118	327	Điện mãng châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	

119	328	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	x	x	x	
120	329	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
121	330	Điện mãng châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	
122	331	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
123	332	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
124	333	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
125	334	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
126	335	Điện mãng châm điều trị chứng tic	x	x	x	
127	336	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	
128	337	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	
129	338	Điện mãng châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa	x	x	x	
130	339	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	
131	340	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón	x	x	x	
132	341	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	
133	342	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x	x	x	
134	343	Điện móng châm điều trị bí đái	x	x	x	
135	344	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
136	345	Điện mãng châm điều trị béo phì	x	x	x	
137	346	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
138	347	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
139	348	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
140	349	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
141	350	Điện mãng châm điều trị đau răng	x	x	x	
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
142	351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
143	352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
144	353	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	

145	354	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	
146	355	Điện nhĩ châm điều trị bại não	x	x	x	
147	356	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
148	357	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	
149	358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	
150	359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
151	360	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	
152	361	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
153	362	Điện nhĩ châm cai thuốc lá	x	x	x	
154	363	Điện nhĩ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	
155	364	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
156	365	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	x	x	x	
157	366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
158	367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
159	368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
160	369	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	
161	370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
162	371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinhVII ngoại biên	x	x	x	
163	372	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	
164	373	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	x	x	x	
165	374	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	
166	375	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
167	376	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
168	377	Điện nhĩ châm điều trị lác	x	x	x	
169	378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
170	379	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	x	x	x	
171	380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	

172	381	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
173	382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	
174	383	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
175	384	Điện nhĩ châm điều trị viêm phế quản	x	x	x	
176	385	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	
177	386	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
178	387	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
179	388	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
180	389	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	x	x	x	
181	390	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
182	391	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	
183	392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	
184	393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
185	394	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
186	395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
187	396	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
188	397	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	x	x	x	
189	398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
190	399	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
191	400	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	
192	401	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
193	402	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	x	x	x	
194	403	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
		D. CẤY CHỈ				
195	404	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	
196	405	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
197	406	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	

198	407	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	x	x	x	
199	408	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
200	409	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	
201	410	Cấy chỉ điều trị teo cơ	x	x	x	
202	411	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	
203	412	Cấy chỉ điều trị bại não	x	x	x	
204	413	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	
205	414	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai	x	x	x	
206	415	Cấy chỉ điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
207	416	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	
208	417	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
209	418	Cấy chỉ cai thuốc lá	x	x	x	
210	419	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	
211	420	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	x	x	x	
212	421	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
213	422	Cấy chỉ điều trị động kinh	x	x	x	
214	423	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
215	424	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
216	425	Cấy chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
217	426	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	x	x	x	
218	427	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
219	428	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
220	429	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	
221	430	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiền đình	x	x	x	
222	431	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
223	432	Cấy chỉ điều trị thất ngôn	x	x	x	
224	433	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	x	x	x	

225	434	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
226	435	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
227	436	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
228	437	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
229	438	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
230	439	Cấy chỉ điều trị trĩ	x	x	x	
231	440	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
232	441	Cấy chỉ điều trị đau dạ dày	x	x	x	
233	442	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	x	x	x	
234	443	Cấy chỉ điều trị dị ứng	x	x	x	
235	444	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
236	445	Cấy chỉ điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	
237	446	Cấy chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
238	447	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
239	448	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
240	449	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
241	450	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	
242	451	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
243	452	Cấy chỉ điều trị táo bón	x	x	x	
244	453	Cấy chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
245	454	Cấy chỉ điều trị bí đái	x	x	x	
246	455	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
247	456	Cấy chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	
248	457	Cấy chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
249	458	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
250	459	Cấy chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
251	460	Cấy chỉ điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	

		Đ. ĐIỆN CHÂM				
252	461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	x
253	462	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
254	463	Điện châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
255	464	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
256	465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
257	466	Điện châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
258	467	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
259	468	Điện châm điều trị bại não	x	x	x	x
260	469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
261	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
262	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
263	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	x
264	473	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
265	474	Điện châm cai thuốc lá	x	x	x	x
266	475	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	x
267	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
268	477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	x	x	x	x
269	478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
270	479	Điện châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
271	480	Điện châm điều trị stress	x	x	x	x
272	481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
273	482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
274	483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
275	484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
276	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
277	486	Điện châm điều trị sụp mi	x	x	x	x

278	487	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	x
279	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
280	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
281	490	Điện châm điều trị lác	x	x	x	x
282	491	Điện châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
283	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
284	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
285	494	Điện châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
286	495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
287	496	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x
288	497	Điện châm điều trị nôn nấc	x	x	x	x
289	498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
290	499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	x	x	x	x
291	500	Điện châm điều trị viêm phần phụ	x	x	x	x
292	501	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	x	x	x	x
293	502	Điện châm điều trị táo bón	x	x	x	x
294	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
295	504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
296	505	Điện châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
297	506	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	x
298	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
299	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x	x	x	x
300	509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	x	x	x	x
301	510	Điện châm điều trị béo phì	x	x	x	x
302	511	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	x
303	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
304	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x

305	514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
306	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
307	516	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
308	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x
309	518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
310	519	Điện châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x
311	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
312	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
313	522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
314	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x
315	524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	x	x	x	x
316	525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
317	526	Điện châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
318	527	Điện châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
319	528	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
320	529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
321	530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
322	531	Điện châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
		E. THUỶ CHÂM				
323	532	Thuỷ châm điều trị liệt	x	x	x	x
324	533	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
325	534	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
326	535	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
327	536	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
328	537	Thuỷ châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
329	538	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
330	539	Thuỷ châm điều trị bại não	x	x	x	x

331	540	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
332	541	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
333	542	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
334	543	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	x	x	x	x
335	544	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
336	545	Thuỷ châm cai thuốc lá	x	x	x	x
337	546	Thuỷ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	x
338	547	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
339	548	Thuỷ châm điều trị động kinh	x	x	x	x
340	549	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
341	550	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
342	551	Thuỷ châm điều trị stress	x	x	x	x
343	552	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
344	553	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
345	554	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
346	555	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
347	556	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	x
348	557	Thuỷ châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	x
349	558	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
350	559	Thuỷ châm điều trị lác	x	x	x	x
351	560	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
352	561	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
353	562	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
354	563	Thuỷ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
355	564	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	x
356	565	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
357	566	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x

358	567	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
359	568	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
360	569	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
361	570	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
362	571	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
363	572	Thuỷ châm điều trị trĩ	x	x	x	x
364	573	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	x
365	574	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
366	575	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
367	576	Thuỷ châm điều trị bệnh vẩy nến	x	x	x	x
368	577	Thuỷ châm điều trị dị ứng	x	x	x	x
369	578	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
370	579	Thuỷ châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
371	580	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
372	581	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
373	582	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
374	583	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
375	584	Thuỷ châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
376	585	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
377	586	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x
378	587	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
379	588	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
380	589	Thuỷ châm điều trị táo bón	x	x	x	x
381	590	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
382	591	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
383	592	Thuỷ châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
384	593	Thuỷ châm điều trị bí đái	x	x	x	x

385	594	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
386	595	Thuỷ châm điều trị béo phì	x	x	x	x
387	596	Thuỷ châm điều trị hội chứng cổ đơn thuần	x	x	x	x
388	597	Thuỷ châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
389	598	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
390	599	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
391	600	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
392	601	Thuỷ châm điều trị đau răng	x	x	x	x
393	602	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
		G. XOA BÓP BẤM HUYỆT				
394	603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	x	x	x	x
395	604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
396	605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
397	606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
398	607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
399	608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
400	609	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	x	x	x	x
401	610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
402	611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
403	612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	x	x	x	x
404	613	Xoa búp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
405	614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
406	615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
407	616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
408	617	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	x
409	618	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	x	x	x	x
410	619	Xoa búp bấm huyệt cai thuốc lá	x	x	x	x

411	620	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	x
412	621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
413	622	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
414	623	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	x	x	x	x
415	624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
416	625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
417	626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	x	x	x	x
418	627	Xoa búp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
419	628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
420	629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
421	630	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
422	631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
423	632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
424	633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	x	x	x	x
425	634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	x
426	635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
427	636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
428	637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
429	638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
430	639	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
431	640	Xoa búp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
432	641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
433	642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
434	643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
435	644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
436	645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
437	646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x

438	647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
439	648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
440	649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
441	650	Xoa búp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
442	651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
443	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	x	x	x	x
444	653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
445	654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
446	655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x
447	656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
448	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
449	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
450	659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
451	660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	x	x	x	x
452	661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
453	662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
454	663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
455	664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
456	665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
457	666	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
458	667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	x	x	x	x
459	668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	x
460	669	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	x	x	x	x
461	670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	x	x	x	x
		H. CỨU				
462	672	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
463	673	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	x	x	x	x

464	674	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	x	x	x	x
465	675	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
466	676	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
467	677	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
468	678	Cứu điều trị liệt thể hàn	x	x	x	x
469	679	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
470	680	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
471	681	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
472	682	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	x	x	x	x
473	683	Cứu điều trị bại não thể hàn	x	x	x	x
474	684	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	x
475	685	Cứu điều trị ù tai thể hàn	x	x	x	x
476	686	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
477	687	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	x
478	688	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý thể hàn	x	x	x	x
479	689	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
480	690	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
481	691	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	x	x	x	x
482	692	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x
483	693	Cứu điều trị rối loạn tiêu hoá thể hàn	x	x	x	x
484	694	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
485	695	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
486	696	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
487	697	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
488	767	Thuỷ trị liệu	x	x	x	

489	768	Thuỷ trị liệu có thuốc	x	x	x	
490	769	Hoạt động trị liệu	x	x	x	
491	770	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x	
492	771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
493	772	Điều trị bằng điện phân thuốc	x	x	x	
494	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
495	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	
496	775	Đo liều sinh học trong điều trị tử ngoại	x	x	x	
497	776	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	
498	777	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	
499	778	Dẫn l-ưu tư- thế	x	x	x	
500	779	Kỹ thuật di động khớp – trư-ợt khớp	x	x	x	
501	780	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x	
502	781	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
503	782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	
504	783	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với gell silicon	x	x	x	
505	784	Điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	
506	785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
507	786	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa	x	x	x	
508	787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x	
509	788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x	
510	789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x	
511	790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoẻo bẩm sinh	x	x	x	
512	791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x	
513	792	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẽo	x	x	x	
514	793	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và ph-ương pháp PHCN	x	x	x	
515	794	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x	

516	795	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x	
517	796	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x	
518	797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x	
519	798	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt l-ưng	x	x	x	
520	799	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	x	x	x	
521	800	Đánh giá trẻ Bại não	x	x	x	
522	801	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	x	x	x	
523	802	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x	
524	803	Tắm bùn khoáng	x	x	x	x
525	804	Đắp bùn khoáng	x	x	x	x
526	805	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
527	806	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
528	807	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
529	808	Ch-ườm lạnh	x	x	x	x
530	809	Ch-ườm ngải cứu	x	x	x	x
531	810	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
532	811	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
533	812	Xoa bóp	x	x	x	x
534	813	Tập ho	x	x	x	x
535	814	Tập thở	x	x	x	x
536	815	H-ướng dẫn ngư-ời bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	x
537	816	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x
538	817	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x
539	818	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x
540	819	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
541	820	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
542	821	Tập vận động thụ động	x	x	x	x

543	822	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
544	823	Đắp nóng	x	x	x	x
545	824	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x
546	825	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x
547	826	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo- massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	x	x	x	x
548	827	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	x
549	828	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	x	x	x	x
550	829	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	x	x	x	x
551	830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn th-ương thần kinh quay	x	x	x	x
552	831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	x	x	x	x
553	832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	x
554	833	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	x
555	834	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn th-ương dây chằng chéo trư-ớc khớp gối	x	x	x	x
556	835	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	x
557	836	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	x
558	837	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
559	838	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	x
560	839	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xư-ơng đòn	x	x	x	x
561	840	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	x
562	841	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi d-ưới	x	x	x	x
563	842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	x
564	843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x
565	844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x
566	845	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	x
567	846	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x
568	847	Vật lý trị liệu -PHCN cho ngư-ời bệnh gẫy thân xương đùi	x	x	x	x
569	848	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xư-ơng đùi	x	x	x	x

570	849	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	x
571	850	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xư-ơng cẳng tay	x	x	x	x
572	851	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy đầu dư-ới xương quay	x	x	x	x
573	852	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xư-ơng cẳng chân	x	x	x	x
574	853	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thư-ơng thần kinh chày	x	x	x	x
575	854	Vật lý trị liệu -PHCN tổn th-ương tuỷ sống	x	x	x	x
576	855	Vật lý trị liệu -PHCN trong gẫy đầu dư-ới x-ương đùi	x	x	x	x
577	856	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thư-ơng xương chậu	x	x	x	x
578	857	Phục hồi chức năng cho ngư-ời bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x
579	858	Phục hồi chức năng cho ng-ười bệnh mang chi giả dư-ới gối	x	x	x	x
580	859	Vật lý trị liệu cho ngư-ời bệnh áp xe phổi	x	x	x	x
581	860	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x
582	861	Phục hồi chức năng cho ng-ười bệnh động kinh	x	x	x	x
583	862	Vật lý trị liệu -PHCN cho ng-ười bệnh chấn thư-ơng sọ não	x	x	x	x
584	863	Vật lý trị liệu ngư-ời bệnh lao phổi	x	x	x	x
585	864	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	x
586	870	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	x
587	871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x
588	872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi d-ưới	x	x	x	x
589	873	Vật lý trị liệu-PHCN ngư-ời bệnh bỏng	x	x	x	x
590	874	Vật lý trị liệu-PHCN ngư-ời bệnh vá da	x	x	x	x
591	875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	x
592	876	Phục hồi chức năng thoái hoá khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	x
593	877	Phục hồi chức năng cho ng-ười bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
594	878	Phục hồi chức năng cho ng-ười bệnh đau lư-ng	x	x	x	x
595	879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho ngư-ời bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	x
596	880	Vật lý trị liệu- PHCN cho ngư-ời bệnh đau thần kinh toạ	x	x	x	x

597	881	Vật lý trị liệu-PHCN cho ngư-ời bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	x
598	882	Vật lý trị liệu-PHCN cho ng-ười cao tuổi	x	x	x	x
599	883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson	x	x	x	x
600	884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	x
601	885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x
602	886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x
603	887	Xoa bóp	x	x	x	x
604	888	Xoa bóp tại gi-ường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x
605	889	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
606	890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa ng-ười,liệt các chi,tổn th-ương hệ vận động	x	x	x	x
607	891	Tập do liệt thần kinh trung -ương	x	x	x	x
608	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x
609	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x
610	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x
611	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x
612	896	Tập vận động cột sống	x	x	x	x
613	897	Tập KT tạo thuận VĐ cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi.....)	x	x	x	x
614	898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	x	x	x	x
615	899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	x	x	x	x
616	900	Tập vận động tại gi-ường	x	x	x	x
617	901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	x
618	902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x
619	903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
620	904	Tập với xe lăn	x	x	x	x
621	905	Vật lý trị liệu chỉnh hình	x	x	x	x
622	906	Vật lý trị liệu hô hấp tại gi-ường bệnh	x	x	x	x
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				

623	977	Khung tập đi	x	x	x	
624	978	Dụng cụ tập sấp ngửa cổ tay	x	x	x	
625	979	Dụng cụ tập cổ chân	x	x	x	
626	980	Dụng cụ tập khớp cổ tay	x	x	x	
627	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x	
628	982	Xe đạp	x	x	x	
629	983	Nạng nách	x	x	x	x
630	984	Nạng khuỷu	x	x	x	x
631	985	Gậy tập	x	x	x	x
632	986	Nẹp khớp gối	x	x	x	x
633	987	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	x
634	988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
635	1001	Nội soi tai	x	x	x	
636	1002	Nội soi mũi	x	x	x	
637	1003	Nội soi họng	x	x	x	
		VII. GÂY MÊ HỒI SỨC				
638	1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	
639	1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	x	x	x	
640	1405	Truyền dịch thường quy	x	x	x	
641	1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
642	1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
643	1462	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
644	1463	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
645	1464	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
646	1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày	x	x	x	

647	1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)	x	x	x	
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
653	2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	x	x	x	x
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
654	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
655	2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		XIII. NỘI KHOA				
		C. TIÊU HÓA				
656	2357	Thụt tháo phân	x	x	x	x
657	2358	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
		E. DỊ ỨNG – MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
658	2382	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x
		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
659	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x
660	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x
661	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x
662	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x
663	2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
664	3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x

Tổng số: 664

V. DA LIỄU

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ TI		
			Trung ương	Tỉnh	Huyện
		A. NỘI KHOA			
1	3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x	x	x

Tổng số: 01.

VI. TÂM THẦN

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ				
1	45.	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x	x
2	46.	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x	x
3	48.	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x	x
4	49.	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	

Tổng số : 04/18.

VII. NỘI TIẾT

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
1	225.	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
2	231.	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
3	232.	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
4	233.	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
5	234.	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
6	236.	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)	x	x	x	
7	239.	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	x
8	240.	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	x
9	241.	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	x

Tổng số: 9

VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
1	1.	Mai hoa châm	x	x	x	x
2	2.	Hào châm	x	x	x	x
3	3.	Mãng châm	x	x	x	
4	4.	Nhĩ châm	x	x	x	x
5	5.	Điện châm	x	x	x	x
6	6.	Thủy châm	x	x	x	x
7	7.	Cấy chỉ	x	x	x	
8	8.	Ôn châm	x	x	x	x
9	9.	Cứu	x	x	x	x
10	10.	Chích lể	x	x	x	x
11	11.	Laser châm	x	x	x	
12	12.	Từ châm	x	x	x	x
13	13.	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
14	14.	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
15	15.	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	x	x	x	
16	16.	Nắn, bó gẫy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
17	17.	Nắn, bó gẫy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
18	18.	Nắn, bó gẫy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
19	19.	Xông thuốc bằng máy	x	x	x	
20	20.	Xông hơi thuốc	x	x	x	x
21	21.	Xông khói thuốc	x	x	x	x
22	22.	Sắc thuốc thang	x	x	x	x
23	23.	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x	

24	24.	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x
25	25.	Đắp thuốc YHCT	x	x	x	x
26	26.	Bó thuốc	x	x	x	x
27	27.	Chườm ngải	x	x	x	x
28	28.	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		C. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
29	114.	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
30	115.	Điện mãng châm điều trị béo phì	x	x	x	
31	116.	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
32	117.	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	x	x	x	
33	118.	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
34	119.	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
35	120.	Điện mãng châm điều trị trĩ	x	x	x	
36	121.	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	x	x	x	
37	122.	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	x	x	x	
38	123.	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
39	124.	Điện mãng châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
40	125.	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
41	126.	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x	x	x	
42	127.	Điện mãng châm điều trị thống kinh	x	x	x	
43	128.	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
44	129.	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
45	130.	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
46	131.	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
47	132.	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
48	133.	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
49	134.	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	

50	135.	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	
51	136.	Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
52	137.	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	x	x	x	
53	138.	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
54	139.	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
55	140.	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
56	141.	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
57	142.	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
58	143.	Điện mãng châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
59	144.	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
60	145.	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
61	146.	Điện mãng châm điều trị	x	x	x	
62	147.	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	
63	148.	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
64	149.	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	
65	150.	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
66	151.	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
67	152.	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
68	153.	Điện mãng châm điều trị đau răng	x	x	x	
69	154.	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	x	x	x	
70	155.	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
71	156.	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
72	157.	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
73	158.	Điện mãng châm điều trị di tinh	x	x	x	
74	159.	Điện mãng châm điều trị liệt dương	x	x	x	
75	160.	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
76	161.	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	

		D. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
77	162.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
78	163.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
79	164.	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
80	165.	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
81	166.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	
82	167.	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	
83	168.	Điện nhĩ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
84	169.	Điện nhĩ châm điều trị đau đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
85	170.	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
86	171.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
87	172.	Điện nhĩ châm điều trị nôn	x	x	x	
88	173.	Điện nhĩ châm điều trị nấc	x	x	x	
89	174.	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	x	x	x	
90	175.	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan	x	x	x	
91	176.	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
92	177.	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
93	178.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	x	x	x	
94	179.	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	
95	180.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
96	181.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
97	182.	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
98	183.	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	x	x	x	
99	184.	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	
100	185.	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
101	186.	Điện nhĩ châm điều di tinh	x	x	x	
102	187.	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	x	x	x	

103	188.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
104	189.	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	
105	190.	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
106	191.	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
107	192.	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
108	193.	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
109	194.	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	x	x	x	
110	195.	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
111	196.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
112	197.	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
113	198.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
114	199.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
115	200.	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
116	201.	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	x	x	x	
117	202.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
118	203.	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
119	204.	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
120	205.	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
121	206.	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
122	207.	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	
123	208.	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
124	209.	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
125	210.	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
126	211.	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
127	212.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
128	213.	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
129	214.	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu	x	x	x	

130	215.	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
131	216.	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
132	217.	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
133	218.	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
134	219.	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	x	x	x	
135	220.	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
136	221.	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	x	x	x	
137	222.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	
138	223.	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
139	224.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
140	225.	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	
141	226.	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	
142	227.	Điện nhĩ châm điều trị chứng tíc cơ mặt	x	x	x	
		Đ. CẤY CHỈ				
143	228.	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
144	229.	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
145	230.	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
146	231.	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
147	232.	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	
148	233.	Cấy chỉ điều trị mày đay	x	x	x	
149	234.	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	x	x	x	
150	235.	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
151	236.	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực	x	x	x	
152	237.	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	x	x	x	
153	238.	Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
154	239.	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
155	240.	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	

156	241.	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
157	242.	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
158	243.	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
159	244.	Cấy chỉ điều trị liệt	x	x	x	
160	245.	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
161	246.	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
162	247.	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
163	248.	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
164	249.	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
165	250.	Cấy chỉ điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
166	251.	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
167	252.	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
168	253.	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
169	254.	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
170	255.	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
171	256.	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
172	257.	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
173	258.	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
174	259.	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	x	x	x	
175	260.	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	x	x	x	
176	261.	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu	x	x	x	
177	262.	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
178	263.	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
179	264.	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
180	265.	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
181	266.	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
182	267.	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	

183	268.	Cấy chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
184	269.	Cấy chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
185	270.	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
186	271.	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
187	272.	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh	x	x	x	
188	273.	Cấy chỉ điều trị sa tử cung	x	x	x	
189	274.	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
190	275.	Cấy chỉ điều trị di tinh	x	x	x	
191	276.	Cấy chỉ điều trị liệt dương	x	x	x	
192	277.	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
		E. ĐIỆN CHÂM				
193	278.	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
194	279.	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
195	280.	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
196	281.	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
197	282.	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	x
198	283.	Điện châm điều trị viêm amidan	x	x	x	x
199	284.	Điện châm điều trị trĩ	x	x	x	x
200	285.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x
201	286.	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	x	x	x	x
202	287.	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	x
203	288.	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
204	289.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
205	290.	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
206	291.	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	x
207	292.	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x
208	293.	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x

209	294.	Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	x
210	295.	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
211	296.	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
212	297.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
213	298.	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
214	299.	Điện châm điều trị khản tiếng	x	x	x	x
215	300.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
216	301.	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
217	302.	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
218	303.	Điện châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	x
219	304.	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
220	305.	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
221	306.	Điện châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
222	307.	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
223	308.	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
224	309.	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
225	310.	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
226	311.	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
227	312.	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
228	313.	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
229	314.	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x
230	315.	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
231	316.	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
232	317.	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
233	318.	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
234	319.	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	x
235	320.	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x

236	321.	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
		G. THUỶ CHÂM				
237	322.	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x
238	323.	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
239	324.	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
240	325.	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
241	326.	Thuỷ châm điều trị nấc	x	x	x	x
242	327.	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	x	x	x	x
243	328.	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	x	x	x	x
244	329.	Thuỷ châm điều trị béo phi	x	x	x	x
245	330.	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
246	331.	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	x	x	x	x
247	332.	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
248	333.	Thuỷ châm điều trị trĩ	x	x	x	
249	334.	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	x	x	x	
250	335.	Thuỷ châm điều trị mày đay	x	x	x	x
251	336.	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
252	337.	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
253	338.	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	x	x	x	x
254	339.	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
255	340.	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	x	x	x	x
256	341.	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
257	342.	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
258	343.	Thuỷ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
259	344.	Thuỷ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	
260	345.	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
261	346.	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	x	x	x	

262	347.	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
263	348.	Thuỷ châm điều trị thống kinh	x	x	x	x
264	349.	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
265	350.	Thuỷ châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
266	351.	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
267	352.	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	X	x	x	x
268	353.	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	X	x	x	x
269	354.	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
270	355.	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
271	356.	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
272	357.	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
273	358.	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
274	359.	Thuỷ châm điều trị đau dây V	x	x	x	
275	360.	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
276	361.	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
277	362.	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
278	363.	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
279	364.	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
280	365.	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
281	366.	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	x
282	367.	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	x
283	368.	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x	x	x	x
284	369.	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
285	370.	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
286	371.	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
287	372.	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
288	373.	Thuỷ châm điều trị đau răng	x	x	x	x

289	374.	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	x
290	375.	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
291	376.	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
292	377.	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
293	378.	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
294	379.	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	
295	380.	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
296	381.	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
297	382.	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	
298	383.	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
299	384.	Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
300	385.	Thuỷ châm điều trị di tinh	x	x	x	
301	386.	Thuỷ châm điều trị liệt dương	x	x	x	
302	387.	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
303	388.	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
		H. XOA BÓP BẤM HUYỆT				
304	389.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
305	390.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
306	391.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
307	392.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x
308	393.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
309	394.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
310	395.	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
311	396.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
312	397.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
313	398.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x	x	x	x
314	399.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	

315	400.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
316	401.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
317	402.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
318	403.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
319	404.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
320	405.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma tuý	x	x	x	x
321	406.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
322	407.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
323	408.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
324	409.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
325	410.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
326	411.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
327	412.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
328	413.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
329	414.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
330	415.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
331	416.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
332	417.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
333	418.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
334	419.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
335	420.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
336	421.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
337	422.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
338	423.	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
339	424.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
340	425.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
341	426.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	x

342	427.	Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc	x	x	x	x
343	428.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
344	429.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp	x	x	x	x
345	430.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
346	431.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
347	432.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
348	433.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
349	434.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
350	435.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	x	x	x	x
351	436.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
352	437.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	x	x	x	x
353	438.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
354	439.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
355	440.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
356	441.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
357	442.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
358	443.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
359	444.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
360	445.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
361	446.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
362	447.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	X
363	448.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
364	449.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	X
365	450.	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	x	x	x	
		I. CỨU				
366	451.	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	x
367	452.	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x

368	453.	Cứu điều trị nấc thể hàn	x	x	x	x
369	454.	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
370	455.	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	x	x	x	x
371	456.	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
372	457.	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
373	458.	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
374	459.	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
375	460.	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
376	461.	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
377	462.	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x	x	x	x
378	463.	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	x
379	464.	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
380	465.	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x	x	x	x
381	466.	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x	x	x	x
382	467.	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x
383	468.	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
384	469.	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x	x	x	x
385	470.	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x	x	x	x
386	471.	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x	x	x	x
387	472.	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
388	473.	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
389	474.	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
390	475.	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
391	476.	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
392	477.	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	x
393	478.	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	x	x	x	x
		K. GIÁC HƠI				

394	479.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
395	480.	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	x
396	481.	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	x
397	482.	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	x

Tổng số: 397;

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. CÁC KỸ THUẬT				
1	6.	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
2	7.	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
3	8.	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
4	10.	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
5	22.	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
6	116.	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x	
7	123.	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x	x	
8	147.	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x	
9	148.	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x	
10	149.	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x	
11	150.	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	
12	184.	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
13	185.	Thở oxy qua mũ kín	x	x	x	
14	186.	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
15	196.	Truyền dịch trong sốc	x	x	x	
16	200.	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x	x	x	
17	201.	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x	x	x	
18	202.	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	x	x	x	

Tổng số: 18;

XI. BỎNG

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG				
		1. Thay băng bỏng				
1	4.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
2	5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x
3	9	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
4	10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
5	11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	x	x	x	
6	12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x	x	x	
		3. Các kỹ thuật khác				
7	77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	x	x	x	x
8	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x
9	80	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x
10	81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x
11	82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x
12	83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x
13	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x	
14	85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	
15	86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x	
16	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x	
17	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	x
18	97	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	
		C. Điều trị vết thương mạn tính				
19	116.	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
		D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG				

20	122	Khám bệnh, nhân phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
21	123	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
22	128	Tập vận động chức năng sau bỏng	x	x	x	

Tổng số: 22;

XIII. PHỤ SẢN

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		B. PHỤ KHOA				
1	148.	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
2	163.	Chích áp xe vú	x	x	x	
3	164.	Khám nam khoa	x	x	x	
4	165.	Khám phụ khoa	x	x	x	x
5	167.	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x

Tổng số: 05;

XIV. MẮT

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
1	260.	Đo thị lực	x	x	x	x
2	265.	Đo thị giác 2 mắt	x	x	x	

Tổng số : 02.

XV. TAI - MŨI - HỌNG

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. TAI - TAI THẦN KINH				
1	54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	x	x	x	
2	58	Làm thuốc tai	x	x	x	x
		B. MŨI-XOANG				
3	141	Nhét bấc mũi trước	x	x	x	
		C. HỌNG-THANH QUẢN				
4	219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
5	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
6	226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	

Tổng số: 06;

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
1	1.	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
2	5.	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
3	6.	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x	
4	7.	Diều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
5	8.	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
6	9.	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x	
7	10.	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
8	11.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
9	13.	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	x	x	x	x
10	14.	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	x
11	15.	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	x
12	16.	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
13	17.	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
14	18.	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x
15	20.	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)	x	x	x	
16	22.	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x	x	x	
17	23.	Điều trị bằng bùn	x	x	x	
18	24.	Điều trị bằng nước khoáng	x	x	x	
19	26.	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				

20	31.	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
21	32.	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x
22	33.	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
23	34.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
24	35.	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
25	36.	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
26	37.	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
27	38.	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x
28	39.	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
29	40.	Tập dáng đi	x	x	x	x
30	41.	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
31	42.	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
32	43.	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
33	44.	Tập đi với gậy	x	x	x	x
34	45.	Tập đi với bàn xương cá	x	x	x	x
35	46.	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	x
36	47.	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
37	48.	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	x
38	49.	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x
39	50.	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x
40	51.	Tập đi với khung treo	x	x	x	x
41	52.	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
42	53.	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
43	54.	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
44	55.	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x
45	56.	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
46	57.	Tập kéo dãn	x	x	x	x

47	58.	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
48	59.	Tập trong bồn bóng nhỏ	x	x	x	
49	60.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	x	x	x	
50	61.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	x	x	x	
51	62.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	x	x	x	
52	63.	Tập với thang tường	x	x	x	x
53	64.	Tập với giàn treo các chi	x	x	x	
54	65.	Tập với ròng rọc	x	x	x	x
55	66.	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
56	67.	Tập với dụng cụ chèo thuyền	x	x	x	x
57	68.	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	x	x	x	x
58	69.	Tập với máy tập thăng bằng	x	x	x	x
59	70.	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x
60	71.	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
61	72.	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
62	73.	Tập các kiểu thở	x	x	x	x
63	74.	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer…)	x	x	x	x
64	75.	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x
65	76.	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
66	77.	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
67	82.	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x
68	83.	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x
69	84.	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x
70	85.	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x
71	86.	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
72	87.	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x
73	88.	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x

74	89.	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x
75	90.	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x
76	91.	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu Pelvis floor)	x	x	x	x
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
77	92.	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x
78	93.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
79	94.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
80	95.	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
81	96.	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
82	97.	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
83	98.	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
84	99.	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
85	100.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)	x	x	x	x
86	101.	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x
87	102.	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
88	103.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x
		D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
89	104.	Tập nuốt	x	x	x	x
90	105.	Tập nói	x	x	x	x
91	106.	Tập nhai	x	x	x	x
92	107.	Tập phát âm	x	x	x	x
93	108.	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)	x	x	x	x
94	109.	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x
95	110.	Tập luyện giọng	x	x	x	x
96	111.	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x

		E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử				
97	141.	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x
98	142.	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x
99	143.	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x
100	144.	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x
101	145.	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x
102	146.	Kỹ thuật sử dụng chân giả dư-ới gối	x	x	x	x
103	147.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực-thắt lưng TLSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*	x	x	x	x
104	148.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*	x	x	x	x
105	149.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x
106	150.	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x
107	151.	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
108	152.	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
109	153.	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
110	154.	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x
111	155.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x
112	156.	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x

Tổng số : 112 kỹ thuật

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		3. Siêu âm ổ bụng				
1	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
2	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
3	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
4	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
5	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
6	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
7	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
8	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
9	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
10	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
11	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
12	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
13	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
14	74	Chụp Xquang hàm chếch một bên	x	x	x	
15	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
16	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
17	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
18	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
19	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	

20	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
21	87	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	x	x	x	
22	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
23	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
24	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
25	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
26	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên	x	x	x	x
27	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
28	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	x	x	x	
29	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
30	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
31	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	x	x	x	
32	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
33	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	x	x	x	x
34	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
35	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
36	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
37	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
38	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
39	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
40	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
41	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
42	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
43	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
44	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
45	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
46	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	

47	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
48	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
49	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
50	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
51	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
52	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
53	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
54	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
55	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
56	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
57	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
58	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
59	128	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x	

Tổng số: 59.

XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
1	7.	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x	
2	13.	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	

Tổng số: 02.

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
2	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
3	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
4	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
		C. TẾ BÀO HỌC				
5	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
6	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
7	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
8	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
9	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
10	140	Tìm giun chỉ trong máu	x	x	x	x
11	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
12	143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x	
13	149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
14	151	Cặn Addis	x	x	x	
15	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x	

TỔNG SỐ: 15;

XXIII. HÓA SINH

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. MÁU				
1	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
2	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
3	10.	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
4	19.	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
5	20.	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
6	25.	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
7	26.	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
8	27.	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
9	29.	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
10	41.	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
11	51.	Định lượng Creatinin	x	x	x	
12	58.	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
13	75.	Định lượng Glucose	x	x	x	
14	84.	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
15	133.	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
16	158.	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
17	166.	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
18	187.	Định lư-ợng Glucose	x	x	x	
19	201.	Định l-ượng Protein	x	x	x	
20	206.	Tổng phân tích nư-ớc tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	x

Tổng số: 20 kỹ thuật

XXIV. VI SINH

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	Xã
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
1	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
2	16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
3	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
4	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x
5	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x
6	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
7	268	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
8	269	*Strongyloides stercoralis* (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x
		2. Ký sinh trùng trong máu				
9	284	*Filaria* (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	x
10	289	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
		D. VI NẤM				
11	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
12	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	

Tổng số: 12 kỹ thuật

DANH MỤC KỸ THUẬT VƯỢT TUYẾN PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU TẠI BỆNH VIỆN Y HCT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 130/QĐ-SYT ngày 25 tháng 02 năm 2016)

STT	TT theo TT43	Nội dung	Số lượng kỹ thuật theo TT43	Số kỹ thuật vượt tuyến được phê duyệt
1	III	Nhi khoa	4.170	9
2	XVII	Phục hồi chức năng	156	2
3	XVIII	Điện quang	675	2
Tổng cộng			**17.216**	**13**

III. NHI KHOA
(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			Ghi chú
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	
1	2	3	4	5	6	7
1	272	Laser châm	x	x		Theo Quyết định số: 336/QĐ-YHCT ngày 09/11/2012 của Giám đốc bệnh viện Y học cổ truyền
2	273	Mai hoa châm	x	x		Theo Quyết định số: 130/QĐ-YHCT ngày 31/08/2007 của Giám đốc bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
3	275	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x		Theo Quyết định số: 497/QĐ-SYT ngày 24/8/2007 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Lào Cai
4	710	Điều trị bằng đắp paraphin	x	x		Theo Quyết định số: 497/QĐ-SYT ngày 24/8/2007 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Lào Cai
5	711	Tắm hơi	x	x		
6	714	Kéo cột sống bằng máy	x	x		Theo Quyết định số: 130/QĐ-YHCT ngày 31/08/2007 của Giám đốc bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
7	745	Kéo giãn cột sống thắt lư-ng bằng máy	x	x		
8	763	Kỹ năng sử dụng xe lăn	x	x		
9	3373	Thắt trĩ bằng dây cao su	x	x		Theo Quyết định số: 393/QĐ-YHCT ngày 18/11/2013 của Giám đốc bệnh viện Y học cổ truyền

Tổng số: 09

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			Ghi chú
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	
1	2	3	4	5	6	7
1	4.	Điều trị bằng từ trường	x	x		Theo Quyết định số: 130/QĐ-YHCT ngày 31/08/2007 của Giám đốc bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
2	12.	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		Theo Quyết định số: 497/QĐ-SYT ngày 24/8/2007 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Tổng số 02

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT Theo 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			Ghi chú
			Trung ương	Tỉnh	Huyện	
1	2	3	4	5	6	7
1	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		Theo Quyết định số: 497/QĐ-SYT ngày 24/8/2007 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Lào Cai
2	132	Chụp Xquang đại tràng	x	x		

Tổng số : 02

CÔNG VĂN ĐẾN Số: 793
Ngày 11 tháng 10 năm 2017

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ Y TẾ

Số: 59 /QĐ - SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 25 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung lần 2 thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Thông tư số: 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 112/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Lào Cai;

Xét hồ sơ trình đề nghị phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung lần 2 của Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Lào Cai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung lần 2 thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền Lào Cai, bao gồm 01 chuyên ngành (II. Nội khoa) với 32 kỹ thuật, trong đó:

- Kỹ thuật đúng tuyến: 03 kỹ thuật;
- Kỹ thuật vượt tuyến: 29 kỹ thuật.

(có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ban giám đốc;
- BHXH tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nông Tiến Cương

Scan phê duyệt thì tất cả các chuyên ngành

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT LẦN 2 TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN LÀO CAI

(Theo quyết định số 59 /QĐ-SYT của Sở Y tế Lào Cai, ngày 25 tháng 8 năm 2017

II. NỘI KHOA						
STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
	E. CƠ XƯƠNG KHỚP					
1	349	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
2	351	Hút dịch khớp háng	x	x		
3	353	Hút dịch khớp khuỷu	x	x		
4	355	Hút dịch khớp cổ chân	x	x		
5	357	Hút dịch khớp cổ tay	x	x		
6	359	Hút dịch khớp vai	x	x		
7	361	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	
8	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	
9	381	Tiêm khớp gối	x	x		
10	382	Tiêm khớp háng	x	x		
11	383	Tiêm khớp cổ chân	x	x		
12	384	Tiêm khớp bàn ngón chân	x	x		
13	385	Tiêm khớp cổ tay	x	x		
14	386	Tiêm khớp bàn ngón tay	x	x		
15	387	Tiêm khớp đốt ngón tay	x	x		
16	388	Tiêm khớp khuỷu tay	x	x		
17	389	Tiêm khớp vai	x	x		
18	390	Tiêm khớp ức đòn	x	x		
19	391	Tiêm khớp ức - sườn	x	x		
20	392	Tiêm khớp đòn- cùng vai	x	x		
21	396	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	x	x		
22	397	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay	x	x		
23	398	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	x	x		
24	399	Tiêm hội chứng DeQuervain	x	x		
25	400	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	x	x		
26	401	Tiêm gân gấp ngón tay	x	x		
27	402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	x	x		
28	403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	x	x		
29	404	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	x	x		
30	405	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	x	x		
31	406	Tiêm gân gót	x	x		
32	407	Tiêm cân gan chân	x	x		

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ Y TẾ

Số: 1081/QĐ - SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 01 tháng 10 năm 2018

Scan gửi các phương

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT- BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh ban hành kèm theo thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 112/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Lào Cai;

Xét hồ sơ tại Tờ trình số 323/TTr-BVYHCT ngày 24/7/2018 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai về việc đề nghị phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật lần 3;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai, gồm 127 kỹ thuật thuộc 12 chuyên ngành, trong đó:

- Kỹ thuật tuyến I (A): 07 kỹ thuật;
- Kỹ thuật tuyến II (B): 58 kỹ thuật;
- Kỹ thuật tuyến III (C): 28 kỹ thuật;
- Kỹ thuật tuyến IV (D): 34 kỹ thuật.

(*có phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2: Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức, phân công tổ chức triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- BGĐ Sở Y tế;
- BVYHCT tỉnh
- BHXH tỉnh;
- Lưu VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nông Tiến Cương

Scan giữ cả mặt phẳng

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG
THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 1084 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Sở Y tế)

TT	TT 43,21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
		B. HÔ HẤP				
1	156	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
		C. THẬN - LỌC MÁU				
2	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x
3	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
4	166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
5	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
		L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
6	334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
		P. CHỐNG ĐỘC				
7	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
8	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x	x	x	
9	367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
		II. NỘI KHOA				
		A. HÔ HẤP				
10	18	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
		C. THẦN KINH				
11	130	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng	x	x		
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
12	350	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
13	352	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
14	354	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
15	356	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
16	358	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
17	360	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
18	362	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		

19	364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
20	373	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x		
21	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x		
22	393	Tiêm khớp thái dương hàm	x			
23	394	Tiêm ngoài màng cứng	x			
24	395	Tiêm khớp cùng chậu	x			
25	408	Tiêm cạnh cột sống cổ	x			
26	409	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	x			
27	410	Tiêm cạnh cột sống ngực	x			
28	411	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
29	412	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
30	413	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
31	414	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
32	415	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
33	416	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
34	417	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
35	418	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
36	419	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
37	420	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
38	421	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
39	422	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
40	423	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
41	424	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
42	425	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
43	426	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
44	427	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
45	428	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
46	429	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
		M. CƠ XƯƠNG KHỚP				

47	510	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic	x	x		
48	511	Điều trị thoái hóa khớp bằng huyết tương giàu tiểu cầu	x	x		
	VI. TÂM THẦN					
		E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
49	62	Xử trí trạng thái kích động	x	x	x	x
50	68	Cấp cứu tự sát	x	x	x	x
51	69	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	x	x	x
52	70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
53	71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x
54	72	Xử trí trạng thái sảng rượu	x	x		
	VII. NỘI TIẾT					
		8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
55	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
56	227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
57	230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
	VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN					
		K. GIÁC HƠI	x	x	x	x
58	483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	x	x	x	x
59	484	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	x	x	x	x
60	485	Giác hơi	x	x	x	x
61	486	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT	x	x	x	
	X. NGOẠI KHOA					
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
62	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		3. Bàng quang				
63	353	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	x	x	x	
64	356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
65	359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x	

	XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
		G. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
66	25	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
67	157	Điều trị bằng từ trường xuyên sọ	x	x		
68	158	Điều trị bằng điện vi dòng	x	x	x	x
69	159	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyệt đạo	x	x	x	
70	160	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	x	x	x	
71	161	Điều trị chườm ngải cứu	x	x	x	x
72	162	Thủy trị liệu có thuốc	x	x	x	x
73	163	Thủy trị liệu cho người bệnh sau bỏng	x	x	x	x
74	164	Điều trị bằng bồn tắm tương phản nóng lạnh	x	x		
75	165	Điều trị bằng bồn tắm điện một chiều	x	x		
76	166	Điều trị bằng bồn mát xa thủy lực	x	x		
		H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
77	167	Tập vận động cột sống	x	x	x	
78	168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	x	x	x	x
79	169	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu	x	x	x	x
80	172	Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
81	176	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	x	x	x	
82	177	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)	x	x	x	x
83	183	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn máy theo dõi tim mạch	x	x	x	x
84	184	Kỹ thuật thư dãn	x	x	x	x
		I. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
85	188	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)	x	x	x	
		N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
86	249	Kéo nắn, kéo dãn cột ống, các khớp	x	x	x	

87	250	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
88	251	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	x	x	x	x
89	252	Xoa bóp áp lực hơi	x	x	x	x
	XVIII. DIỆN QUANG					
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
90	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
91	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
92	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
93	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
94	11	Siêu âm màng phổi	x	x		
95	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
96	27	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x		
97	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
98	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
99	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
100	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)	x	x		
101	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)	x	x		
		7. Siêu âm vú				
102	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
103	57	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x		
104	59	Siêu âm dương vật	x	x		
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
105	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị				
106	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		
107	132	Chụp Xquang đại tràng	x	x		
108	133	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	x	x	x	
109	140	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	x	x		

110	141	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng	x	x		
111	142	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng	x	x		
112	143	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng	x	x		
	XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG					
		A. TIM, MẠCH				
113	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
114	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
115	101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	x	x	x	
	XXII. HUYẾT HỌC, TRUYỀN MÁU					
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
116	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
117	304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
118	308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
	XXIII. HÓA SINH					
		A. MÁU				
119	83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
120	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
121	234	Đường máu mao mạch	x	x	x	
122	244	Phản ứng CRP	x	x	x	
	XXIV. VI SINH, KÝ SINH TRÙNG					
		A. VI KHUẨN				
		6. Các vi khuẩn khác				
123	60	*Chlamydia* test nhanh	x	x	x	x
		B. VIRUS				
		2. Hepatitis virus				
124	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
125	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
		3. HIV				
126	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
127	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1007 /QĐ - SYT	*Lào Cai, ngày 24 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật năm 2019 thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật traong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 112/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Lào Cai;

Xét Tờ trình số 375/TTr-BV ngày 14/6/2019 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai về việc đề nghị phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y- Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung năm 2019 thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai, gồm 20 kỹ thuật (17 đúng tuyến, 03 vượt tuyến), thuộc 4 chuyên ngành:

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- BHXH tỉnh Lào Cai;
- BVYHCT tỉnh Lào Cai;
- BGĐ Sở Y tế;
- Lưu VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

Nông Tiến Cương

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG NĂM 2019
THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

(Ban hành theo Quyết định số: 1017/QĐ-SYT ngày 24 tháng 6 năm 2019)

STT	TT THEO TT43	TT THEO TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1		2	3			
				A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU							
			D. THẦN KINH				
1	203		Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
II. NỘI KHOA							
			C. THẦN KINH				
2	141		Đo tốc độ dẫn truyền (vận động, cảm giác) của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	x	x		
3	142		Đo tốc độ phản xạ Hoffmann và sóng F của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	x	x		
4	143		Đo điện thế kích thích bằng điện cơ	x	x		
5	144		Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
6	148		Ghi điện cơ bằng điện cực kim	x	x		
			I. THẦN KINH				
7		474	Ghi điện cơ điện thế kích thích thị giác, thính giác	x	x		
8		475	Ghi điện cơ điện thế kích thích cảm giác thân thể	x	x		
9		476	Ghi điện cơ đo tốc độ dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh ngoại biên chi trên	x	x		
10		477	Ghi điện cơ đo tốc độ dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh ngoại biên chi dưới	x	x		
III. NHI KHOA							
			D. THẦN KINH				
11	145		Ghi điện cơ kim	x	x		
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG							
			C. THẦN KINH, TÂM THẦN				
12	28		Điện cơ trơn định lượng (QEMG)	x			
13	29		Ghi điện cơ	x	x		
14	30		Điện cơ vùng đáy chậu (EMG)	x			
15	31		Điện cơ sợi đơn cực (SFEMG)	x			
16	32		Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh cảm giác	x	x		
17	33		Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh vận động	x	x		
18	34		Đo điện thế kích thích cảm giác	x	x		
19	35		Đo điện thế kích thích giác quan	x	x		
20	36		Đo điện thế kích thích vận động	x	x		
			Tổng số: 20 kỹ thuật				

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 335 /QĐ - SYT

Lào Cai, ngày 16 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT- BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/05/2017 của Bộ y tế về sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 112/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Lào Cai;

Xét tờ trình số 446/TTr-BVYHCT ngày 31/5/2021 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật bệnh viện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, gồm 81 dịch vụ kỹ thuật.

(Danh mục kỹ thuật chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Tổ chức cán bộ, Chánh Thanh tra - Sở Y tế; Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh;
- BGĐ Sở Y tế;
- Lưu: VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
16-06-2021 08:37:37 +07:00

Hoàng Quốc Hương

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 335 /QĐ-SYT ngày 16 /6/2021 của Sở Y tế)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
16-06-2021 08:37:54 +07:00

STT	TT theo TT43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		II. NỘI KHOA				
		C. THẦN KINH				
1	159	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý	x	x		
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
2	112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x
3	113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x
4	114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x
5	115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x
6	116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x
7	117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	x
8	118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x
9	119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x
10	120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x
11	121	Lượng giá lao động hướng nghiệp	x	x	x	
12	122	Thử cơ bằng tay	x	x	x	
13	123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
14	127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x
15	128	Lượng giá sự phát triển của trẻ bằng Test Denver	x	x		
16	133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	x	x	x	x
17	134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	x	x	x	x
18	170	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
19	171	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
20	174	Kỹ thuật tập vận động trên máy chức năng	x	x		
21	175	Kỹ thuật kéo dãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	x	x		
22	179	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson	x	x		

23	180	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	x	x	x	
24	181	Kỹ thuật ngồi/đứng dậy từ sàn nhà	x	x	x	
25	185	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeeback)	x	x	x	x
26	189	Kỹ thuật gương trị liệu (Mirror therapy)	x	x	x	
27	190	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)	x	x	x	
28	191	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ	x	x	x	x
29	192	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ	x	x	x	x
30	193	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói	x	x	x	x
31	194	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt	x	x	x	x
32	195	Chẩn đoán điện thần kinh cơ	x	x		
33	196	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	x	x	x	
34	197	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em	x	x	x	x
35	198	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em	x	x	x	x
36	199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	x	x	x	x
37	200	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS	x	x	x	
38	201	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT	x	x	x	
39	202	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM	x	x	x	
40	203	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS	x	x	x	
41	208	Nghiệm pháp đi 6 phút	x	x	x	x
42	209	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili cho người cao tuổi	x	x	x	x
43	210	Nghiệm pháp Tiniti cho người cao tuổi	x	x	x	x
44	211	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	x	x	x	x
45	212	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói cho người cao tuổi	x	x	x	x
46	214	Kỹ thuật tư vấn tâm lý cho người bệnh hoặc người nhà	x	x		
47	219	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II	x	x	x	x
48	220	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III	x	x	x	
49	230	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài…)	x	x	x	
50	231	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị bệnh lý bàn chân của người bệnh đái tháo đường (tiểu đường)	x	x	x	x
		XXIII. HÓA SINH				

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
15-06/2021 08:31:38+07:00

51	63	Định lượng Ferritin [Máu]	x	x		
52	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	x	x		
53	68	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	x	x		
54	69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	x	x		
55	77	Định lượng GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	x	x	x	
56	142	Định lượng RF (Reumatoid Factor) [Máu]	x	x		
57	143	Định lượng Sắt [Máu]	x	x	x	
58	147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	x	x		
59	148	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	x	x		
60	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	x	x		
61	192	Định lượng Opiate [niệu]	x	x		
62	193	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	x	x	x	x
63	194	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	x	x	x	x
64	195	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	x	x	x	x
65	196	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]	x	x	x	x
66	197	Định lượng Phospho (niệu)	x	x	x	
67	198	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	x	x	x	x
68	199	Định tính Porphyrin [niệu]	x	x	x	x
		XXIV. VI SINH				
69	20	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
70	73	Helicobacter pylori Ag test nhanh	x	x	x	x
71	74	Helicobacter pylori Ab test nhanh	x	x	x	x
72	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
73	114	Virus PCR	x	x		
74	115	Virus Real-time PCR	x	x		
75	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
76	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
77	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
78	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
79	234	Coronavirus PCR	x	x		
80	235	Coronavirus Real-time PCR	x	x		
81	356	Ký sinh trùng test nhanh	x	x	x	x

SỞ Y TẾ
Sở Y tế
16-06-2021 08:38:01 +07:00

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:800 /QĐ-SYT	*Lào Cai, ngày 08 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai (mã hồ sơ: 000.00.17.H38-231101-0001);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung **93** danh mục kỹ thuật đúng tuyến thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt bổ sung tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch tài chính; Chánh Thanh tra - Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BGĐ Sở Y tế;
- BV Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai;
- BHXH tỉnh;
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
09-11-2023 08:02:05 +07:00

Hoàng Quốc Hương

Phụ lục:

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số:800/QĐ-SYT ngày 08 /11/2023 của Sở Y tế Lào Cai)

Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai

STT	STT THÔNG TƯ SỐ 43/2013	STT THÔNG TƯ SỐ 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
1	2		3	4			
				A	B	C	D
	III. NHI KHOA						
			V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
			B. TAI - MŨI - HỌNG				
1	994		Nội soi cầm máu mũi	x	x		
2	999		Nội soi mũi xoang	x	x		
			X. RĂNG HÀM MẶT				
			A. RĂNG				
3	1833		Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
4	1835		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser	x	x		
5	1836		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite	x	x		
6	1837		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	x	x		
7	1838		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser	x	x		
8	1839		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) có sử dụng Laser	x	x		
9	1840		Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC) có sử dụng Laser	x	x		
10	1847		Lấy tuỷ buồng Răng vĩnh viễn	x	x		
11	1917		Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
12	1922		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	x	x	x	
13	1924		Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
14	1926		Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	

15	1927		Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
16	1928		Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
17	1936		Mão chụp răng giả	x	x	x	
18	1943		Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x	
19	1947		Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
20	1951		Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
21	1952		Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	x	x	x	x
22	1957		Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x
23	1961		Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x
24	1967		Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
25	1970		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	x	x	x	x
26	1972		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	x	x	x	x
27	1974		Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x
			XI. TAI MŨI HỌNG				
			A. TAI				
28	2118		Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x	
29	2119		Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	
30	2120		Làm thuốc tai	x	x	x	
			B. MŨI XOANG				
31	2150		Nhét bấc mũi trước	x	x	x	
32	2154		Làm Proetz	x	x	x	
33	2155		Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	x	x	x	x
			C. HỌNG – THANH QUẢN				
34	2178		Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
35	2186		Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
	V. DA LIỄU						
			B. NGOẠI KHOA				
			1. Thủ thuật				
36	24		Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	x	x		
37	43		Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	x	x	x	
			2. Phẫu thuật				
38	71		Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	x	x	x	
			C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỪ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC				

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
09-11-2023 08:02:32 +07:00

39	74		Điều trị bệnh rám má bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
40	75		Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
41	76		Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
42	79		Điều trị dãn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
43	80		Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
44	82		Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc	x	x		
			Đ. THỦ THUẬT				
45		105	Trẻ hoá da bằng chiếu đèn LED	x	x		
46		109	Điều trị bệnh rám má bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
47		110	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
48		111	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
49		114	Điều trị dãn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
50		115	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
51		117	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
			E. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DA LIỄU				
52		118	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật tay	x	x	x	
53		119	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật chân	x	x	x	
54		121	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân xơ cứng bì	x	x	x	
	XV. TAI MŨI HỌNG						
			A. TAI - TAI THẦN KINH				
55	45		Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai	x	x	x	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
09-11-2023 08:42:36 +07:00

56	51		Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
57	52		Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x	
58	53		Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
59	56		Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
60	57		Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x
61	59		Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x
			B. MŨI-XOANG				
62	139		Phương pháp Proetz	x	x	x	
63	140		Nhét bấc mũi sau	x	x	x	
64	142		Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
65	143		Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
66	144		Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
67	146		Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
68	147		Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x
			C. HỌNG-THANH QUẢN				
69	212		Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
70	213		Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
71	218		Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
			D. ĐẦU CỔ				
72	302		Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
73	303		Thay băng vết mổ	x	x	x	x
74	304		Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
	XVI. RĂNG HÀM MẶT						
			A. RĂNG				
75	68		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
76	70		Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
77	71		Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	
78	72		Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
79	79		Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
80	82		Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
81	83		Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
82	84		Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
83	203		Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
84	213		Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
85	214		Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
86	215		Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
09-11-2023 08:02:42 +07:00

87	228		Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
88	231		Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x	
89	232		Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x	
90	233		Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
91	234		Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	
			B. HÀM MẶT				
92	301		Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
93	340		Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
09-11-2023 08:02:47 +07:00

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ** Số: 142 /QĐ-SYT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Lào Cai, ngày 12 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Xét của Hồ sơ đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai (mã hồ sơ: 000.00.17.H38-240304-0001);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung **61** danh mục kỹ thuật đúng tuyến thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai *(có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt bổ sung tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch tài chính; Chánh Thanh tra - Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BGĐ Sở Y tế;
- BVYHCT tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Lưu: VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
12-03-2024 15:16:24 +07:00

Hoàng Quốc Hương

Phụ lục

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số:142 /QĐ-SYT ngày 12/3/2024 của Sở Y tế Lào Cai)

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
12-03-2024 15:16:39 +07:00

STT	STT TT43	STT TT21	DỊCH VỤ KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
				A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC							
			E. TOÀN THÂN				
1	1.253		Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
II. NỘI KHOA							
			A. HÔ HẤP				
2	2.4		Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
3	2.20		Đo đa ký hô hấp	x	x		
			D. THẬN TIẾT NIỆU				
4	2.238		Tán sỏi ngoài cơ thể định vị bằng X quang hoặc siêu âm	x	x		
III. NHI KHOA							
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
			A. TUẦN HOÀN				
5	3.44		Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
			III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
			A. KỸ THUẬT CHUNG				
6	3.274		Kéo nắn cột sống cổ	x	x		
			X. RĂNG HÀM MẶT				
			A. RĂNG				
7	3.1758		Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ cố định	x	x		
8	3.1759		Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ cố định	x	x		
9	3.1760		Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ cố định	x	x		
10	3.1761		Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
11	3.1762		Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x		
12	3.1770		Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	x	x		

13	3.1948		Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
14	3.1949		Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
15	3.1957		Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x
16	3.1958		Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
17	3.1959		Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	x
18	3.1960		Chích áp xe lợi	x	x	x	x
19	3.1961		Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x
20	3.1962		Máng chống nghiến răng	x	x	x	x
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC							
			A. CÁC KỸ THUẬT				
21	9.97		Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
22	9.98		Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
23	9.173		Theo dõi SpO2	x	x	x	
24	9.183		Thở oxy gọng kính	x	x	x	
25	9.195		Truyền dịch thường qui	x	x	x	
XIV. MẮT							
			1. Nội khoa				
26		14.290	Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp thịt	x	x	x	x
27		14.291	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
XVI. RĂNG HÀM MẶT							
			A. RĂNG				
28	16.35		Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x		
29	16.42		Chích áp xe lợi	x	x	x	x
30	16.43		Lấy cao răng	x	x	x	x
31	16.50		Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
32	16.61		Điều trị tủy lại	x	x		
33	16.78		Veneer Composite trực tiếp	x	x		
34	16,104		Chụp nhựa	x	x	x	
35	16,105		Chụp kim loại	x	x	x	
36	16.106		Chụp hợp kim thường cẩn nhựa	x	x	x	
37	16.112		Cầu nhựa	x	x	x	
38	16.113		Cầu hợp kim thường	x	x	x	
39	16.114		Cầu kim loại cẩn nhựa	x	x	x	
40	16.129		Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x

SỞ Y TẾ
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
12-03-2024 15:14:44 +07:00

41	16.139		Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
42	16.136		Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
43	16.139		Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
44	16.140		Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
45	16.141		Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
46	16.142		Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
47	16.186		Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
48	16.189		Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
49	16.190		Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
50	16.191		Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
51	16.192		Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng	x	x		
52	16.193		Gắn band	x	x		
53	16.195		Máng nâng khớp cắn	x	x		
54	16.196		Mài chỉnh khớp cắn	x			
55	16.197		Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
56	16.199		Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
57	16.207		Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
58	16.208		Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
59	16.209		Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG							
			L. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
60		17.204	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)	x	x	x	x
61		17.205	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE cho người cao tuổi	x	x	x	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
12-03-2024 15:16:49 +07:00

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ** Số: 181 /QĐ-SYT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Lào Cai, ngày 02 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Xét của Hồ sơ đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai (mã hồ sơ: 000.00.17.H38-240401-0009);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung **01** danh mục kỹ thuật đúng tuyến thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai *(có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các kỹ thuật được phê duyệt bổ sung tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch tài chính; Chánh Thanh tra - Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BGĐ Sở Y tế;
- BVYHCT tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Lưu: VT; NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Ký bởi: Tỉnh Lào Cai
02-04-2024 08:46:02 +07:00

Hoàng Quốc Hương

Phụ lục

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /4/2024 của Sở Y tế Lào Cai)

Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
02-04-2024 08:46:08 +07:00

STT	STT TT43	STT TT21	DỊCH VỤ KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
				A	B	C	D
II. NỘI KHOA							
			Đ.TIÊU HÓA				
1	2.273		Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	x	x	x	

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:537 /QĐ - SYT	*Lào Cai, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai thuộc trường hợp bổ sung danh mục kỹ thuật (Mã hồ sơ: 000.00.17.H38-240801-0001);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai (địa chỉ Đường K3, phường Bắc Cường, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai) do bổ sung danh mục kỹ thuật: bổ sung 27 danh mục kỹ thuật đúng tuyến quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT (có Phụ lục gửi kèm).

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các danh mục kỹ thuật được Sở Y tế phê duyệt theo đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BGĐ Sở Y tế;
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế, TT Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai;
- Ban biên tập Cổng TTĐT SYT (đăng tải);
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
08-08-2024 16:35:11 +07:00

Hoàng Quốc Hương

Phụ lục

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
08-08-2024 16:35:15 +07:00

STT	STT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	4	5			
			A	*B*	*C*	*D*
XIII. PHỤ SẢN						
		A. SẢN KHOA				
1	13.41	Khám thai	x	x	x	x
2	13.51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x	
		B. PHỤ KHOA				
3	13.151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
4	13.152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
5	13.163	Chích áp xe vú	x	x	x	
XIV.MẮT						
6	14.112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x	x	x	
7	14.174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
8	14.197	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
9	14.200	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
10	14.202	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x
11	14.203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
12	14.204	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x
13	14.205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	x	x	x	x
14	14.206	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x
15	14.207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
16	14.208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
17	14.209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x
18	14.210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x
19	14.211	Rửa cùng đồ	x	x	x	x
20	14.212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	x

21	14.214	Đục giả mạc	x	x	x	
22	14.215	Rạch áp xe mi	x	x	x	
23	14.218	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	x
24	14.223	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x
25	14.251	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	
26	14.260	Đo thị lực	x	x	x	x
27	14.261	Thử kính	x	x	x	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI
Sở Y tế
Tỉnh Lào Cai
Ngày ký: 08-05-2024 10:35:27 +07:00

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1030 /QĐ - SYT	*Lào Cai, ngày 02 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai qui định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai (Mã hồ sơ H38.17-250904-0002);

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung dịch vụ kỹ thuật đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 955/QĐ-SYT ngày 19/9/2025 của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai.

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đã cấp số: 000006/LCA-GPHĐ.

Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa.

Quy mô: 150 giường bệnh.

Cấp khám, chữa bệnh: Cơ bản.

Lý do điều chỉnh giấy phép hoạt động: Bổ sung danh mục kỹ thuật.

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh bổ sung 46 danh mục chuyên môn kĩ thuật khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai.

(Có danh mục kĩ thuật chi tiết kèm theo)

Điều 3. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai sau khi cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt và bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 4. Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BGĐ Sở Y tế;
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai;
- Cổng TTĐT Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Hoàng Quốc Hương

DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 1030/QĐ-SYT ngày 02 /10/2025 của Sở Y tế Lào Cai)

TT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Danh mục kỹ thuật	Ghi chú
03. NHI KHOA			
1	3.256	Đo lưu huyết não	
2	3.707	Điều trị bằng từ trường	
3	3.708	Siêu âm điều trị	
4	3.709	Điều trị bằng laser công suất thấp	
5	3.710	Điều trị bằng đắp paraphin	
6	3.714	Kéo cột sống bằng máy	
7	3.738	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ	
8	3.739	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp	
9	3.740	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày	
10	3.741	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV	
11	3.742	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS	
12	3.743	Xoa bóp bằng máy	
13	3.746	Kỹ thuật ABA	
14	3.750	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói	
15	3.757	Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (ăn/uống/vệ sinh/thay quần áo…)	
16	3.758	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt	
17	3.759	Kỹ năng phối hợp tay - mắt	
18	3.762	Kỹ năng điều hoà cảm giác	
19	3.763	Kỹ năng sử dụng xe lăn	
20	3.969	Thang tường	
21	3.970	Thanh song song	
22	3.1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mi mắt	
23	3.1685	Bơm thông lệ đạo	

24	3.1693	Đốt lông xiêu	
25	3.1693	Bơm rửa lệ đạo	
26	3.1693	Trích chắp, lẹo, trích áp xe mi	
27	3.1694	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	
28	3.1695	Rửa cùng đồ	
29	3.1707	Khám mắt	
05. DA LIỄU			
30	5.89	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da	
06. TÂM THẦN			
31	6.40	Đo lưu huyết não	
08. Y HỌC CỔ TRUYỀN			
32	BS_8.487	Điều trị lão hóa da sử dụng kim dẫn thuốc	
33	BS_8.488	Hỏa trị liệu	
09. GÂY MÊ HỒI SỨC			
34	9.144	Oxy cao áp	
13. PHỤ SẢN			
35	13.153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	
36	13.154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	
37	13.166	Soi cổ tử cung	
38	13.228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	
19. Y HỌC HẠT NHÂN			
39	19.192	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA	
21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
40	21.9	Đo lưu huyết não	
41	21.86	Thử kính	
42	21.93	Đo thị lực	
43	21.102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]	
44	21.120	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	
45	21.122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	
46	BS_21.147	Kỹ thuật đo khối lượng xương bằng hấp thụ năng lượng tia X kép (DXA hay DEXA)	

UBND TỈNH LÀO CAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 809 /QĐ - SYT	*Lào Cai, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung dịch vụ kỹ thuật đối với Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 15/3/2026 của UBND tỉnh Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy thuộc Sở Y tế tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 09/04/2026 của Đoàn thẩm định điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp bổ sung dịch vụ kỹ thuật theo Quyết định số 688/QĐ-SYT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Y học cổ truyền, cụ thể:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai.

Giấy phép hoạt động đã cấp số: 000006/LCA-GPHĐ.

Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa.

Cấp chuyên môn kỹ thuật: Cấp cơ bản.

Lý do điều chỉnh: Bổ sung 55 dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 23/2024/TT-BYT; trong đó: Dịch vụ kỹ thuật tại phụ lục 01 Thông tư 23/2024/TT-BYT: 42 kỹ thuật; Phụ lục 02 Thông tư 23/2024/TT-BYT: 13 kỹ thuật *(Có phụ lục chi tiết gửi kèm).*

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền chịu trách nhiệm tổ chức phân công, triển khai thực hiện các danh mục kỹ thuật được Sở Y tế phê duyệt theo đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Dịch vụ kỹ thuật tại phụ lục 02 áp dụng tại Bệnh viện từ ngày 01/7/2026.

Điều 4. Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BGĐ Sở Y tế;
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế, TT Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÀO CAI

Phạm Bích Vân

Phụ lục 01:

DANH MỤC KỸ THUẬT TẠI PHỤ LỤC 01 THÔNG TƯ 23/2024/TT-BYT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

STT	STT theo TT23	Mã kỹ thuật theo TT23 (PL 01)	DỊCH VỤ KỸ THUẬT
01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC			
1	28	1.28	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường
02. NỘI KHOA			
2	658	2.256	Nội soi trực tràng ống mềm
3	661	2.259	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết
4	674	2.272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori
5	707	2.305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
6	708	2.306	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết
7	710	2.308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
8	1077	BS_2.678	Thay băng và thay kim buồng tiêm
03. NHI KHOA			
9	1208	3.87	Theo dõi độ bão hòa oxy (SPO_2) liên tục tại giường
10	2183	3.1062	Nội soi đại tràng sigma
11	3653	3.2535	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
12	2631	3.1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
13	2637	3.1516	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
14	2824	3.1703	Cắt chỉ khâu da
15	4598	3.3480	Tán sỏi ngoài cơ thể
16	4943	3.3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
17	4944	3.3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
18	5029	3.3911	Thay băng, cắt chỉ
19	5339	3.4221	Thay băng và thay kim buồng tiêm
20	5340	3.4222	Thay băng buồng tiêm
05. DA LIỄU			
21	5568	BS_5.123	Thủy trị liệu bằng máy
06. TÂM THẦN			
22	5591	6.13	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)
10. NGOẠI KHOA			

23	12475	BS_10.1274	Thay băng
24	12476	BS_10.1275	Cắt chỉ
25	12477	BS_10.1276	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm
12. UNG BƯỚU			
26	12960	12.92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG			
27	14733	17.3	Điều trị bằng vi sóng
28	14734	17.4	Điều trị bằng từ trường
29	14757	17.27	Điều trị bằng điện trường cao áp
30	14809	17.79	Kỹ thuật di động khớp
31	14810	17.80	Kỹ thuật di động mô mềm
32	14811	17.81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở
20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP			
33	16237	20.80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng
34	16238	20.81	Nội soi đại tràng sigma
35	16239	20.82	Soi trực tràng
21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
36	16420	BS_21.132	Nghiệm pháp đo thay đổi huyết áp khi thay đổi tư thế
37	16421	BS_21.133	Nghiệm pháp bóp tay đo thay đổi huyết áp
38	16426	BS_21.138	Nghiệm pháp ghế quay
22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU			
39	16436	22.1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động
40	16440	22.5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động
41	16448	22.13	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động
23. HOÁ SINH			
42	17434	23.228	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)

Phụ lục 02:

DANH MỤC KỸ THUẬT TẠI PHỤ LỤC 02 THÔNG TƯ 23/2024/TT-BYT PHÊ DUYỆT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LÀO CAI

STT	STT THEO PHỤ LỤC 02	STT THEO CHƯƠNG	CHƯƠNG	MÃ LIÊN KẾT	DỊCH VỤ KỸ THUẬT
1	1100	221	4. TIÊU HÓA	2,306 2,307	Nội soi đại tràng sigma
2	1285	406	4. TIÊU HÓA	2,259 2,260 2,261 2,262	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm
3	1395	516	4. TIÊU HÓA	2,256 2,257 2,308 2,309	Nội soi trực tràng ống mềm
4	5502	49	18. YHCT		Nắn, bó trật khớp khuỷu, cổ tay bằng phương pháp YHCT
5	5503	50	18. YHCT		Nắn, bó gãy xương bàn, ngón tay bằng phương pháp YHCT
6	5504	51	18. YHCT		Nắn, bó gãy xương gót, bàn chân, ngón chân bằng phương pháp YHCT
7	5505	52	18. YHCT		Chích tứ phùng
8	5506	53	18. YHCT		Nhĩ dán
9	5507	54	18. YHCT		Từ nhĩ châm
10	5508	55	18. YHCT		Phương pháp Diện chẩn điều trị
11	5509	56	18. YHCT		Dán thuốc cổ truyền lên huyệt
12	5510	57	18. YHCT		Bơm thuốc cổ truyền đường hậu môn
13	5511	58	18. YHCT		Cạo gió

Ghi chú: Phụ lục 02 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.